YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN: TRƯỜNG HỢP SINH VIÊN TỐT NGHIỆP KHOA NGỮ VĂN PHÁP, TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN LỢI
LÊ VÕ PHƯƠNG UYÊN
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 05/3/2025. Sửa chữa xong 12/3/2025. Duyệt đăng 15/3/2025.

Abstract

The study surveyed 66 graduates from the Faculty of French Linguistics and Literature, University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM (2016–2020) to explore the factors influencing career choice, particularly among those pursuing careers outside their field of study. The findings identified four main groups of factors affecting career decisions, with professional factors and social context playing the most significant roles. A thorough understanding of these factors can enhance the effectiveness of career orientation strategies while also supporting students in developing skills that align with the demands of the modern labor market, including the Francophone sector.

***Keywords**: Career choice, non-major students, Francophone labor market.*

1. Đặt vấn đề

Lựa chọn nghề nghiệp là một bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời mỗi sinh viên (SV) đại học, bởi quyết định này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến định hướng tương lai mà còn định hình mức độ hài lòng cũng như thành công trong sự nghiệp lâu dài. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng đây là một quá trình phức tạp, chịu sự ảnh hưởng đan xen của nhiều yếu tố, bao gồm cả yếu tố chủ quan và khách quan. Đối với SV ngành ngoại ngữ, đặc biệt là SV ngành Ngôn ngữ Pháp, việc lựa chọn nghề nghiệp lại càng có tính đặc thù, do sự giao thoa giữa nhu cầu sử dụng ngôn ngữ trong môi trường toàn cầu hóa và thực trạng thị trường lao động tại Việt Nam. Theo khảo sát từ Khoa Ngữ văn Pháp, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG TP. Hồ Chí Minh), trong giai đoạn 2016-2020, chỉ có 8,59% SV tốt nghiệp làm việc đúng ngành, 43,56% SV làm việc gần đúng ngành, trong khi 47,85% chọn công việc không liên quan đến ngành học. Dù đã có nhiều nỗ lực hỗ trợ từ cộng đồng Pháp ngữ tại Việt Nam hay mạng lưới France Alumni Vietnam, song kết quả phân bố việc làm của SV ngành này vẫn chưa đạt kỳ vọng. Vì vậy, việc tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của SV tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Pháp phần nào giúp làm rõ những khó khăn và thách thức mà họ đang đối mặt. Đồng thời, bài viết cũng đưa ra các khuyến nghị nhằm hỗ trợ SV định hướng nghề nghiệp tốt hơn, góp phần nâng cao hiệu quả trong việc lựa chọn và phát triển sự nghiệp tương lai.

2. Cơ sở lý luận

Quyết định lựa chọn nghề nghiệp của SV được hiểu theo nhiều cách khác nhau, phản ánh sự đa dạng trong nghiên cứu về quá trình này. Theo Tổ chức Tâm lý học Hoa Kỳ (American Psychological Association), đây là hành vi xác định một công việc phù hợp dựa trên các tiêu chí cá nhân, bao gồm sở thích, ý kiến gia đình, kinh nghiệm làm việc và sự hỗ trợ nghề nghiệp. Tương tự, Lounsbury và cộng

Email: nguyenloi@hcmussh.edu.vn

sự (2009) [1] xem đây là quá trình khám phá và quyết định sự nghiệp, trong đó bao hàm cả việc lựa chọn chương trình đào tạo. Trong nghiên cứu này, tác giả tiếp cận lựa chọn nghề nghiệp như một quá trình cá nhân, nơi mỗi SV cân nhắc dựa trên sở thích, năng lực và bối cảnh cụ thể. Quyết định lựa chọn nghề nghiệp chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau, góp phần định hình quyết định của SV. Nghiên cứu của Ahmed (2014) [2] nhấn mạnh vai trò của sở thích, đam mê và sự tự tin vào năng lực bản thân trong việc định hướng nghề nghiệp, giúp SV lựa chọn công việc phù hợp và gắn bó lâu dài. Bên cạnh đó, các đặc điểm liên quan đến nghề nghiệp như mức thu nhập (Ahmed và cộng sự, 2017) [3], cơ hội thăng tiến (Akosah-Twumasi và cộng sự, 2018) [4] hay sự tương đồng giữa giá trị nghề nghiệp với giá trị cá nhân (Hackett, 1995) [5] cũng là những tiêu chí được cân nhắc kỹ lưỡng. Mặt khác, Bùi Hà Phương và cộng sự (2020) [6] cho thấy các mối quan hệ xã hội như gia đình, bạn bè cũng có ảnh hưởng đáng kể. Hơn thế nữa, bối cảnh kinh tế, xu hướng thị trường lao động (Lê Thị Hải Yến và cộng sự, 2023) [7] và sự phát triển của công nghệ (Subasman & Aliyyah, 2023) [8] cũng đóng vai trò quan trọng trong việc định hình lựa chọn nghề nghiệp. Ngoài những yếu tố trên, một số nghiên cứu khác còn chỉ ra rằng quyết định nghề nghiệp của SV chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động tư vấn định hướng nghề (Karim & Sa'adah, 2021) [9], hỗ trợ từ nhà trường (Chin và cộng sự, 2018) [10] và kinh nghiệm thực tập (Glaymann, 2014) [11],...

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mẫu khảo sát

Nghiên cứu được thực hiện tại Trường Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 nhằm khảo sát SV tốt nghiệp Khoa Ngữ văn Pháp trong giai đoạn 2016-2020 theo phương pháp chọn mẫu phi xác suất có chủ đích. Tổng số phiếu khảo sát hợp lệ thu được là 66/103, gồm 11 SV nam (16.7%) và 55 SV nữ (83.3%). Về năm tốt nghiệp, có 11 SV (16.6%) tốt nghiệp năm 2016, 8 SV (12.1%) năm 2017, 13 SV (19.7%) năm 2018, 6 SV (9.1%) năm 2019 và còn lại là năm 2020. Về xếp loại tốt nghiệp: 10 SV (15.1%) loại giỏi, 46 SV (69.7%) loại khá và còn lại xếp loại trung bình. Về trình độ chuyên môn, 4 SV (6.1%) có bằng thạc sĩ, số còn lại là cử nhân. Xét theo lĩnh vực công việc hiện tại, có 5 SV (7.6%) làm trong đào tạo - nghiên cứu, 2 SV (3%) trong văn hóa - xã hội, 8 SV (12.1%) trong kinh doanh, 16 SV (24.2%) trong dịch vụ, 12 SV (18.2%) trong truyền thông, và số còn lại thuộc các lĩnh vực khác. Về thời gian làm việc, có 8 SV (12.1%) có thời gian làm việc dưới 1 năm, 42 SV (63.6%) từ 1 đến 4 năm và 16 SV (24.2%) trên 4 năm. Ngoài ra, nhóm tác giả tiến hành phỏng vấn 5 cựu SV (mã hóa lần lượt SV01, SV02, SV03, SV04, SV05) trong tháng 03 năm 2024 để bổ sung thêm các kết quả thu thập được từ phiếu khảo sát. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng bao gồm: Phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp điều tra bảng hỏi; phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học SPSS. Ngoài ra, đối với dữ liệu thu thập được từ kết quả phỏng vấn cựu SV từng trả lời các phiếu khảo sát bảng hỏi, nhóm tác giả sử dụng phương pháp phân tích, so sánh và đối chiếu để bổ sung làm sáng tỏ cho các kết quả thu thập được từ kết quả khảo sát.

3.2. Thang đo

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức độ với 1: "Không quan trọng" đến 5: "Rất quan trọng" để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn công việc với các nội dung: 1) Đặc điểm cá nhân; 2) Đặc điểm nghề nghiệp; 3) Mạng lưới mối quan hệ xã hội; 4) Bối cảnh xã hội. Điểm trung bình (ĐTB) dao động từ 1.00 đến 5.00, với khoảng cách giữa các mức là 0.8. Cụ thể: 1.00 < Không quan trọng ≤ 1.80 (SV hoàn toàn không xem trọng nội dung này); 1.81 < Ít quan trọng ≤ 2.60 (SV hiếm khi đánh giá cao nội dung này); 2.61 < Tương đối quan trọng ≤ 3.40 (SV có xu hướng đánh giá nội dung này ở mức trung bình); 3.41 < Quan trọng ≤ 4.20 (SV thường coi nội dung này là quan trọng) và 4.21 < Rất quan trọng ≤ 5.00 (SV đánh giá nội dung này là đặc biệt quan trọng). Để đánh giá độ tin cậy, nghiên cứu sử dụng hệ số Cronbach's Alpha nhằm loại các biến không phù hợp. Các tiêu chí để lựa chọn nhằm thỏa mãn các yêu cầu bao gồm: một biến đo lường có hệ số tương quan biến - tổng (Corrected item-total correlation) ≥ 0.30; thang đo có hệ số Cronbach's alpha ≥ 0.60 (Nunnally & Bernstein, 1994) [12]. Kết quả cụ thể từng thang đo được trình bày ở bảng 1 cho thấy các yếu tố đảm bảo độ tin cậy và đủ điều kiện để thực hiện các bước phân tích tiếp theo.

Các yếu tố	Số lượng biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha
Đặc điểm cá nhân	5	0.720
Đặc điểm nghề nghiệp	5	0.718
Mạng lưới mối quan hệ xã hội	7	0.855
Bối cảnh xã hội	3	0.686

Bảng 1: Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Yếu tố về đặc điểm cá nhân

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Sở thích và đam mê cá nhân	3.82	0.910
2	Giới tính	3.00	0.973
3	Ngoại hình	3.05	0.732
4	Năng lực bản thân	4.00	1.073
5	Sức khỏe	3.00	1.032
Đặc điểm cá nhân		**3.374**	**0.944**

Bảng 2: Kết quả giá trị ĐTB và ĐLC về đặc điểm cá nhân

Kết quả bảng 2 cho thấy, yếu tố đặc điểm cá nhân ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của SV được đánh giá "tương đối quan trọng" với ĐTB chung là 3.374. Trong đó, "Năng lực bản thân" được đánh giá cao nhất với ĐTB = 4.00 (ĐLC = 1.073), tiếp theo là "Sở thích và đam mê cá nhân" với ĐTB = 3.82 (ĐLC = 0.910), đều nằm ở mức "quan trọng". Ngược lại, "Ngoại hình" (ĐTB = 3.05, ĐLC = 0.732), "Giới tính" và "Sức khỏe" (cùng ĐTB = 3.00) chỉ ở mức "tương đối quan trọng", cho thấy vai trò ít nổi bật hơn trong định hướng nghề nghiệp của SV. Những đánh giá trên được làm rõ hơn qua các ý kiến phỏng vấn. SV01 chia sẻ: "Chị nhận ra mình có năng lực và đam mê trong ngành này nên chị chọn ngành này thay vì tiếp tục theo đuổi công việc liên quan đến tiếng Pháp" hoặc SV02 nhấn mạnh rằng việc lựa chọn nghề nghiệp phụ thuộc vào cả sở thích lẫn điểm mạnh cá nhân: "Anh nghĩ không nên cố gắng trong lĩnh vực mình không giỏi mà nên chọn công việc phù hợp với khả năng và đam mê hơn". Từ cả kết quả khảo sát và phỏng vấn có thể thấy năng lực bản thân và đam mê cá nhân là hai yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến lựa chọn nghề nghiệp, trong khi ngoại hình, giới tính, và sức khỏe chỉ đóng vai trò phụ.

4.2. Yếu tố về đặc điểm nghề nghiệp

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Thu nhập	3.91	0.924
2	Cơ hội thăng tiến	4.03	0.822
3	Môi trường làm việc	3.95	0.935
4	Địa điểm làm việc	3.58	0.895
5	Kiến thức chuyên môn	3.64	0.939
Đặc điểm nghề nghiệp		**3.822**	**0.903**

Bảng 3: Kết quả giá trị ĐTB và ĐLC về đặc điểm nghề nghiệp

Kết quả bảng 3 cho thấy, giá trị ĐTB của yếu tố đặc điểm nghề nghiệp ở mức "quan trọng" trong lựa chọn nghề nghiệp của SV là 3.822, với cả 5 biến con cũng đều ở mức khá cao. Trong đó, "Cơ hội thăng tiến" được đánh giá cao nhất với ĐTB = 4.03 (ĐLC = 0.822), tiếp theo là "Môi trường làm việc" với ĐTB = 3.95 (ĐLC = 0.935) và "Thu nhập" với ĐTB = 3.91 (ĐLC = 0.924). Các yếu tố như "Kiến thức chuyên môn" và "Địa điểm làm việc" có ĐTB thấp hơn, lần lượt là 3.64 (ĐLC = 0.939) và 3.58 (ĐLC = 0.895). Kết quả phỏng vấn cũng bổ sung thêm rằng, SV quan tâm nhiều đến sự phát triển nghề nghiệp lâu dài thông qua thăng tiến và điều kiện làm việc hơn là các yếu tố thực tế khác như vị trí địa lý hay kiến thức chuyên môn. Trong đó, một cựu SV chia sẻ: "Chị chọn công việc này vì có cơ hội thăng tiến rõ ràng, môi trường phù hợp và thu nhập cao, đáp ứng tốt kỳ vọng tài chính cũng như sự phát triển nghề nghiệp

lâu dài của chị mặc dù nó trái ngành" (SV03). Về kiến thức chuyên môn, một ý kiến từ SV04 cho rằng: "Chương trình đào tạo tại Khoa Ngữ văn Pháp chủ yếu thiên về lý thuyết và văn học, khiến mình cảm thấy kiến thức chuyên môn chưa đủ thực tiễn để làm việc với tiếng Pháp, mình không được thực hành ngôn ngữ nhiều và mình bị thiếu tự tin. Mình đã quyết định chọn công việc trái ngành để phát triển các kỹ năng hoặc kiến thức thực tế hơn và đương nhiên mình vẫn được training (hướng dẫn) lại từ đầu".

4.3. Yếu tố về mạng lưới mối quan hệ xã hội

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Mối quan hệ với gia đình	2.71	1.134
2	Mối quan hệ với bạn bè	2.98	1.102
3	Câu lạc bộ, nhóm	2.50	1.154
4	Các hoạt động xã hội	2.85	1.218
5	Mối quan hệ với thầy cô	2.52	1.180
6	Mối quan hệ với đồng nghiệp	3.27	1.117
7	Các mối quan hệ khác ngoài xã hội	3.33	1.043
Mạng lưới mối quan hệ xã hội		**2.8810**	**0.83095**

Bảng 4: Kết quả giá trị ĐTB và ĐLC về mạng lưới mối quan hệ xã hội

Kết quả bảng 4 cho thấy, các yếu tố thuộc mạng lưới mối quan hệ xã hội có tác động "tương đối quan trọng" đến quyết định nghề nghiệp của SV, với ĐTB chung đạt 2.881. Nổi bật nhất là "Các mối quan hệ khác ngoài xã hội" với ĐTB = 3.33 (ĐLC = 1.043), tiếp theo là "Mối quan hệ với đồng nghiệp" với ĐTB = 3.27 (ĐLC = 1.117), cả hai đều được xem là "quan trọng". Ngược lại, "Câu lạc bộ, nhóm" (ĐTB = 2.50, ĐLC = 1.154) và "Mối quan hệ với thầy cô" (ĐTB = 2.52, ĐLC = 1.180) được xếp ở mức "ít quan trọng hơn", phản ánh vai trò hạn chế hơn trong định hướng nghề nghiệp. Để làm rõ cho kết quả trên, SV03 còn cho biết: "Trong thời gian đi làm thêm, chị được đồng nghiệp giới thiệu một công việc phù hợp với năng lực, giúp chị tìm được một lĩnh vực có tiềm năng phát triển lâu dài. Tuy nhiên, vì xác định làm trái ngành, chị không nhận được nhiều sự hỗ trợ từ thầy cô mà chủ yếu dựa vào nỗ lực cá nhân. Đồng thời, chị nhận thấy các hoạt động xã hội và sự kiện lớn nhỏ cũng giúp chị mở rộng mối quan hệ khi tìm việc làm nhưng điều này còn phụ thuộc vào mức độ chủ động khi tham gia các hoạt động đó của mỗi cá nhân". Kết quả này còn phù hợp với đánh giá trung bình về yếu tố "Các hoạt động xã hội" và đánh giá thấp về yếu tố "Mối quan hệ với thầy cô".

4.4. Yếu tố về bối cảnh xã hội

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Nhu cầu của thị trường lao động khác tiếng Pháp	3.77	0.740
2	Sự phát triển của công nghệ số	3.59	0.822
3	Sự ảnh hưởng của đại dịch Covid	3.15	0.949
Bối cảnh xã hội		**3.5051**	**0.65956**

Bảng 5: Kết quả giá trị ĐTB và ĐLC về bối cảnh xã hội

Kết quả bảng 5 cho thấy, "Nhu cầu của thị trường lao động khác tiếng Pháp" được đánh giá cao nhất với ĐTB = 3.77 (ĐLC = 0.740). Điều này phản ánh các lĩnh vực ngoài tiếng Pháp mang lại nhiều cơ hội rộng mở hơn và được minh chứng qua ý kiến của SV05: "Thị trường lao động tiếng Pháp có thể hạn chế vì chị thấy số lượng công việc trong ngành này chỉ tập trung vào biên dịch, phiên dịch, hướng dẫn viên du lịch, và nếu làm trong những lĩnh vực này thì tiếng Anh lại phổ biến hơn. Vì vậy, nhiều người rẽ sang ngành khác để có cơ hội phát triển". Tiếp theo, "Sự phát triển của công nghệ số" được ghi nhận là yếu tố quan trọng thứ hai, với ĐTB = 3.59 (ĐLC = 0.822), phản ánh vai trò ngày càng quan trọng của công nghệ trong việc thúc đẩy SV định hướng lại nghề nghiệp theo xu hướng hiện đại. SV02 chia sẻ: "Anh tự học lập trình từ năm cuối thông qua các khóa học trực tuyến. Công nghệ số không chỉ mang lại cơ hội việc làm lớn mà còn dễ tiếp cận với những người học trái ngành như anh. Điều quan trọng là cần sự kiên trì và không ngại khó khi bắt đầu học những kiến thức mới". Trong khi đó, "Sự ảnh hưởng của đại

dịch Covid-19" có tác động thấp hơn, mang tính chất ngắn hạn với ĐTB = 3.15 (ĐLC = 0.949). Đa số SV cho biết, đại dịch khiến họ gặp khó khăn trong việc tìm việc làm nhưng nhiều người lại cho rằng yếu tố này không ảnh hưởng quá nhiều nếu cá nhân có năng lực và sự chuẩn bị tốt.

Như vậy, kết quả phân tích bốn yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của SV tốt nghiệp Khoa Ngữ văn Pháp cho thấy, nội dung được đánh giá cao nhất là đặc điểm nghề nghiệp, tiếp theo là bối cảnh xã hội và đặc điểm cá nhân, trong khi mạng lưới mối quan hệ xã hội nhận mức đánh giá thấp nhất, với các giá trị trung bình lần lượt là 3.822; 3.505; 3.374 và 2.881.

5. Kết luận

Nghiên cứu làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định nghề nghiệp của SV tốt nghiệp Khoa Ngữ văn Pháp, Trường Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, đặc biệt là nhóm làm trái ngành. SV đánh giá cao vai trò của đặc điểm nghề nghiệp, bối cảnh xã hội và đặc điểm cá nhân, trong khi mạng lưới mối quan hệ xã hội có ảnh hưởng thấp hơn. Những phát hiện này nhấn mạnh rằng năng lực bản thân, đam mê và xu hướng thị trường lao động là những yếu tố cốt lõi quyết định lựa chọn nghề. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu cung cấp cơ sở cho các nhà quản lý giáo dục, doanh nghiệp và cố vấn nghề nghiệp trong việc cải tiến nội dung đào tạo, xây dựng chương trình định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ SV tiếp cận thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực Pháp ngữ, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển của công nghệ số. Bên cạnh đó, các trường đại học cần tăng cường kết nối với doanh nghiệp, tổ chức hội thảo nghề nghiệp và mở rộng thực tập để nâng cao kỹ năng thực hành cho SV. Đồng thời, SV cũng nên chủ động mở rộng mối quan hệ xã hội và trau dồi kỹ năng nhằm tăng cơ hội việc làm và đáp ứng tốt nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, nghiên cứu còn hạn chế khi chỉ tập trung vào một nhóm SV, chưa xem xét sâu tác động của công nghệ và chính sách tuyển dụng. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng phạm vi và tích hợp thêm các yếu tố này để làm phong phú hơn cơ sở lý luận và thực tiễn về lựa chọn nghề nghiệp trong bối cảnh thị trường lao động thay đổi nhanh chóng.

Tài liệu tham khảo

[1] Lounsbury, J. W., Studham, R. S., Steel, R. P., Gibson, L. W., & Drost, A. W. (2009), *Holland's vocational theory and personality traits of information technology professionals. In Handbook of research on contemporary theoretical models in information systems (Lý thuyết nghề nghiệp của Holland và các đặc điểm tính cách của các chuyên gia công nghệ thông tin. Trong Sổ tay nghiên cứu về các mô hình lý thuyết đương đại trong hệ thống thông tin),* IGI Global, pp. 529-543.

[2] Ahmed, A. (2014), *Factors Influencing Choice of Career of Business Students (Các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên kinh doanh).* Available at SSRN 2575518.

[3] Ahmed, K. A., Sharif, N., & Ahmad, N. (2017), *Factors influencing students' career choices: empirical evidence from business students (Các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên: bằng chứng thực nghiệm từ sinh viên kinh doanh),* Journal of Southeast Asian Research, pp. 1-15.

[4] Akosah-Twumasi, P., Emeto, T. I., Lindsay, D., Tsey, K., & Malau-Aduli, B. S. (2018, July), *A systematic review of factors that influence youths career choices - the role of culture (Đánh giá có hệ thống về các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề nghiệp của thanh thiếu niên - vai trò của văn hóa).* In Frontiers in education (Vol. 3, p. 58). Frontiers Media SA.

[5] Hackett, G. (1995), *Self-efficacy and career choice and development. Self-efficacy, adaptation, and adjustment (Tự hiệu quả và lựa chọn và phát triển nghề nghiệp. Tự hiệu quả, thích nghi và điều chỉnh),* Springer.

[6] Bùi Hà Phương, Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Nguyễn Thanh Toàn, Võ Thị Ca, Huỳnh Thị Lưu Kim Tuyến, Lê Thị Trúc Giang (2020), *Yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên Khoa Thư viện - Thông tin học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn*, Đại học *Quốc gia Hồ Chí Minh*, Tạp chí Thông tin và Tư liệu, số 6, tr. 13-20.

[7] Lê Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Minh Nguyệt và Nguyễn Thị Thu Hà (2023), *Ảnh hưởng của nhu cầu thị trường lao động đến lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp đại học tại Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học Thái Nguyên - Khoa học Xã hội, 10(1), 1-12.

[8] Subasman, I., & Aliyyah, R. R. (2023), *The Impact of Technological Transformation On Career Choices In The Stem Sector (Tác động của chuyển đổi công nghệ đến lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực gốc).* Jurnal Kajian Pendidikan dan Psikologi, 1(2 Desember), 129-142.

[9] Karim, A., & Sa'adah, N. (2021), *Career Guidance Services to Form a Career Identity for Vocational High School Students (Dịch vụ hướng nghiệp hình thành bản sắc nghề nghiệp cho học sinh trung học nghề).* Bisma The Journal of Counseling, 5(3), 259-266.

[10] Chin, M. Y., Blackburn Cohen, C. A., & Hora, M. T. (2018), *The Role of Career Services Programs and Sociocultural Factors in Student Career Development (Vai trò của các chương trình dịch vụ nghề nghiệp và các yếu tố xã hội văn hóa trong sự phát triển nghề nghiệp của sinh viên).* WCER Working Paper No. 2018-8. Wisconsin Center for Education Research.

[11] Glaymann, D. (2014), *Le stage dans l'enseignement supérieur, un dispositif riche de promesses difficiles à tenir (Thực tập tại các trường đại học: một hệ thống đầy hứa hẹn khó thực hiện). Éducation et socialisation. Les Cahiers du CERFEE* (35).

[12] Nunnally, J. & Bernstein, (1994), *Psychometric theory*, McGraw Hill, New York.